TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:03/2021/DS-ST
Ngày: 25- 8 - 2021
V/v:Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trịnh Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đặng Văn Bộ và ông Nguyễn Văn Thiện.

- Thư ký phiên tòa*:* bà Lê Thị Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa *tham gia phiên tòa*: bà Hoàng Thị Hòa- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 05/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: ông Tiết Văn T - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: ông Lý Thành H, sinh năm 1981 - Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N- chi nhánh huyện H. Có mặt.

2. Bị đơn:ông Dương Văn V, sinh năm 1964.

Địa chỉ: thôn Đ, xã Hà L, huyện H, tỉnh T; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị N, sinh năm 1930.

Địa chỉ: Thôn M, xã Hà G, huyện H, tỉnh T; vắng mặt.

- Anh Dương Văn T, sinh năm 1990.
- Anh Dương Văn D, sinh năm 1993.
- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh T.

Anh T, anh D, chị H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/12/2017 Ngân hàng N-chi nhánh huyện H (viết tắt là A) và ông Dương Văn V đã ký hợp đồng tín dụng số 3506-LAV-201704548, theo hợp đồng Ngân hàng A cho ông Dương Văn V vay số tiền là 170.000.000 đồng *(Một trăm bảy mươi triệu đồng)*, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng, ông Dương Văn V dùng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số BO 990949 cấp ngày 22/4/2013 chủ sử dụng là ông Dương Văn V và bà Trịnh Thị N, hợp đồng thế chấp số 03/55/2017/HĐBĐ ngày 13/12/2017. Tính đến ngày 20/01/2021 tổng dư nợ của ông V là 186.400.679 đồng, trong đó nợ gốc là 165.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 0 đồng, nợ lãi quá hạn là 20.900.679 đồng. Ngân hàng đã đôn đốc ông V trả nợ nhiều lần nhưng ông V vẫn không trả.

Tính đến ngày 24/5/2021 ông V mới trả được 4.500.000 đồng tiền gốc và lãi trong hạn là 37.291.808 đồng, lãi quá hạn là 9.676.985 đồng (ngày trả nợ cuối cùng là ngày 09/9/2020).

Sau khi phát sinh nợ quá hạn,Agribank đã đôn đốc, tạo điều kiện cho ông Dương Văn V thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, ông V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, gây ảnh hưởng lớn đến quyền lợi hợp pháp của A.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 13/8/2021, ông Dương Văn V đã trả 40.000.000 đồng tiền nợ gốc. Tổng dư nợ của ông Dương Văn V tính đến ngày 25/8/2021 là 162.418.563 đồng, cụ thể: nợ gốc là 125.500.000đồng, nợ lãi quá hạn là 36.918.563 đồng trong đó lãi trong hạn của thời gian quá hạn là 21.386.714 và lãi phạt là 15.531.849 đồng.

Vì vậy, A yêu cầu ông Dương Văn V phải trả cho A tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/8/2021 là 162.418.563 đồng, trong đó nợ gốc là 125.500.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 36.918.563 đồng gồm lãi trong hạn của thời gian quá hạn là 21.386.714 và lãi phạt là 15.531.849 đồng và yêu cầu ông V phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 3506-LAV-201704548 ngày 14/12/2017 kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án xét xử cho đến ngày thực tế ông V trả hết nợ gốc cho A.

Trường hợp ông Dương Văn V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A thông qua A chi nhánh huyện H, có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Dương Văn V theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 03/55/2017/HĐBĐ ngày 13/12/2017.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 03/6/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Dương Văn V trình bày: Ngày 14/12/2017, ông và Ngân hàng N chi nhánh huyện H (viết tắt là A) đã ký hợp đồng tín dụng số 3506-LAV-

201704548, theo hợp đồng Ngân hàng A cho ông vay số tiền là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng), thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng, ông V đã dùng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất mang tên ông và bà Trịnh Thị N, hợp đồng thế chấp số 03/55/2017/HĐBĐ ngày 13/12/2017. Đến ngày 24/5/2021 ông V mới trả được 4.500.000 đồng tiền gốc và lãi trong hạn là 37.291.808 đồng, lãi quá hạn là 9.676.985 đồng. Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần nhưng do điều kiện khó khăn nên ông V không trả được. Nay ngân hàng A yêu cầu ông V trả nợ số tiền cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 24/5/2021 là 195.677.748 đồng (Một trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng), trong đó: nợ gốc là 165.500.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 16.892.837 đồng; nợ lãi quá hạn là 13.284.911 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất tại hợp đồng tín dụng đã ký ngày 14/12/2017 từ ngày 25/5/2021 đến khi ông V trả nợ xong, ông V hoàn toàn đồng ý. Nếu ông V không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán thì ông V đồng ý để ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số 03/55/2017/HĐBĐ ngày 13/12/2017.

Tại bản tự khai đề ngày 19/5/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Dương Văn T trình bày: Ngày 14/12/2017 bố anh là Dương Văn V có vay của Ngân hàng N chi nhánh huyện H số tiền là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng), thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Gia đình anh có thế chấp cho Ngân hàng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đấtmang tên chủ sử dụng là ông Dương Văn V và bà Trịnh Thị N (mẹ đẻ anh). Bà N đã chết ngày 04/5/2016, anh là một trong những người thừa kế nên đã ký vào hợp đồng thế chấp. Kể từ khi vay số tiền trên, bố anh mới trả được 4.500.000 đồng tiền gốc, còn lại số tiền 165.500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi gia đình anh chưa trả được. Nay Ngân hàng yêu cầu bố anh phải trả cho ngân hàng số tiền 186.400.000 đồng, trong đó tiền gốc là 165.500.000 đồng và tiền lãi là 20.900.679 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi trả nợ xong, nếu không thanh toán được thì ngân hàng sẽ xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp. Quan điểm của anh về yêu cầu của ngân hàng A là anh hoàn toàn đồng ý với số tiền ngân hàng yêu cầu trả nợ, nếu gia đình anh không trả được số nợ cho ngân hàng thì anh đồng ý để ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm.

Tại bản tự khai ngày 22/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H trình bày: Ngày 14/12/2017 Ngân hàng N chi nhánh huyện H (viết tắt là A) và bố chồng chị là ông Dương Văn V đã ký hợp đồng tín dụng số 3506-LAV-201704548, theo hợp đồng Ngân hàng A cho bố chồng chị vay số tiền là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng), thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng, bố chồng chị đã dùng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất mang tên ông Dương Văn V và bà Trịnh Thị N, hợp đồng thế chấp số 03/55/2017/HĐBĐ ngày 13/12/2017.

Đến ngày 24/5/2021 bố chồng chị mới trả được 4.500.000 đồng nợ gốc và lãi trong hạn là 37.291.808 đồng; nợ lãi quá hạn là 9.676.985 đồng. Nay ngân hàng A yêu cầu bố chồng chị là ông Dương Văn V trả nợ số tiền cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 24/5/2021 là 195.677.748 đồng (Một trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng), trong đó: nợ gốc là 165.500.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 16.892.837 đồng; nợ lãi quá han là 13.284.911 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất tại hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 25/5/2021 đến khi bố chồng chị trả nợ xong, chị H hoàn toàn đồng ý. Nếu ông Dương Văn V không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán thì chị H đồng ý để ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số 03/55/2017/HĐBĐ ngày 13/12/2017.

Ngày 16/8/2021, ông Dương Văn V xuất trình cho Tòa án 01 biên lai thu tiền của Ngân hàng N chi nhánh huyện H.Theo biên lai ngày 13/8/2021 Ngân hàng đã thu 40.000.0000 đồng của ông Dương Văn V.

Trong qua trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bà Phạm Thị N và anh Dương Văn D đến Tòa án để viết bản khai nhưng bà N và anh D vẫn không có mặt theo giấy triệu tập, do đó không có lời khai của bà N và anh D.

Tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngân hàng N đề nghị Toà án giải buộc ông Dương Văn V phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ còn lại theo Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 25/8/2021là 162.418.563 đồng, trong đó có nợ gốc, nợ lãi quá hạn. Bị đơn ông V thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 125.500.000 đồng và tiền nợ lãi nhưng không có khả năng trả nợ. Vì vậy, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Dương Văn V phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền còn lại theo Hợp đồng tín dụng là 162.418.563 đồng, gồm nợ gốc là 125.500.000 đồng, nợ lãi nợ lãi quá hạn là 36.918.563 đồng, trong đó lãi trong hạn của thời gian quá hạn là 21.386.714 và lãi chậm trả là 15.531.849 đồng tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/8/2021 và đề nghị tiếp tục tính lãi quá hạn phát sinh theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày tiếp theo của ngày 25/8/2021 cho đến khi ông V trả hết nợ.

Trường hợp ông Dương Văn V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đề nghị Tòa án tuyên A được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp cho khoản vay để thu hồi nợ.

Buộc ông Dương Văn V phải chịu án phí dân sựsơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị N, anh Dương Văn D, anh Dương Văn T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên hòa giải nhưng anh T, bà N, anh D không có mặt mà không có lý do, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án. Bị đơn là ông Dương Văn V, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Dương Văn T, Dương Văn D, chị Nguyễn Thị H, bà Phạm Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông V, anh T, anh D, bà N và chị H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong vụ án này, chị Nguyễn Thị H (vợ anh Dương Văn T), cả hai vợ chồng đang sinh sống trên cùng thửa đất này với ông Dương Văn V nên Tòa án đã đưa chị H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[2]. Về quan hệ pháp luật: theo Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa A với ông Dương Văn V, mục đích là đáp ứng nhu cầu về vay vốn, mua máy móc sản xuất gỗ và đầu tư trồng dứa. Do đó Tòa án nhân dân huyện Hà Trung thụ lý, giải quyết theo quan hệ pháp luật về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng quy định và đúng thẩm quyền tại khoản 3, Điều26 và điểm a, khoản 1, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự

[3]. Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ và hợp đồng thế chấp ký kết giữa A với ông Dương Văn V là đúng thẩm quyền, thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội, nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện phù hợp với quy định tại các Điều 463, 464, 465, 466, 467 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. Hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm cho khoản vay giữa A với ông Dương Văn V là quyền sử dụng649m^2 đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 45, địa chỉ tại xã H, huyện H, tỉnh T. Đây là tài sản thuộc quyền sử dụng và quyền sở hữu của ông Dương Văn V và bà Trịnh Thị N. Bà N chết ngày 04/5/2016, những người thừa kế của bà N gồm: ông Dương Văn V (chồng bà N), anh Dương Văn T, Dương Văn D (con đẻ của bà N), bà Phạm Thị N (mẹ đẻ của bà N), không còn ai thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà N, những người thừa kế đều đồng ý cho ông V thế chấp quyền sử dụng đất trên và đã thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm, hiện tại không có tranh chấp gì về hợp đồng thế chấp này. Do

vậy,hợp đồng thế chấp tài sản phù hợp với các quy định tại các Điều 292, 293, 298, 317, 318, 319, 320, 321, 322 và 323 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5]. Quá trình tố tụng, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất giữa các bên có ký kết các thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, số tiền vay, số tiền nợ gốc và lãi phải thanh toán, vi phạm nghĩa vụ thanh toán.Vì vậy, đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo khoản 4, Điều 4 Hợp đồng tín dụng số 3506-LAV-201704548 ngày 14/12/2017 quy định "Giấy nhận nợ là một phần không thể tách rời hợp đồng tín dụng này".Tại giấy nhận nợ ngày 14/12/2017 giữa A với ông Dương Văn V thì thời hạn vay được xác định là 24 tháng (từ 14/12/2017 đến ngày 14/12/2019); định kỳ trả nợ gốc là ngày 25/12/2018 trả 1.000.000 đồng, ngày 14/12/2019 trả gốc là 169.000.000 đồng; lãi suất tiền vay trong hạn là 11% năm, lãi suất nợ quá hạn là 16,5%/năm, định kỳ trả lãi 3 tháng 1 kỳ. Ngoài ra, hợp đồng còn quy định lãi suất chậm trả áp dụng theo quy định của A chi nhánh T tại từng thời kỳ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày khởi kiện (20/01/2021) ông V mới trả cho A được 51.468.793 đồng, trong đó tiền gốc là 4.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 37.291.808 đồng, lãi quá hạn là 9.676.985 đồng. Số còn lại chưa trả là 186.400.679 đồng, trong đó nợ gốc là 165.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 0 đồng, nợ lãi quá hạn là 20.900.679 đồng. Ông Dương Văn V đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, nên ông V phải có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ này cho A.

Quá trình chuẩn bị xét xử, ngày 13/8/2021, ông Dương Văn V đã trả cho A được 40.000.000 đồng tiền nợ gốc. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/8/2021), ông Dương Văn V còn nợ của A tổng số tiền là162.418.563 đồng, cụ thể: nợ gốc là 125.500.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 36.918.563 đồng, trong đó lãi trong hạn của thời gian quá hạn là 21.386.714 và lãi chậm trả là 15.531.849 đồng. Nay A yêu cầu ông V phải trả số tiền này và yêu cầu kể từ ngày tiếp theo của ngày 25/8/2021 cho đến khi thi hành án xong, ông Vinh còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa các bên. Ông Vinh phải có nghĩa vụ trả cho Agribank.

Sau khi ký kết hợp đồng thế chấp, các bên đã thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm và hiện tại không có tranh chấp gì về hợp đồng này. Do vậy, hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật, các bên phải tuân thủ theo thỏa thuận trong hợp đồng, nếu ông Dương Văn V không trả được nợ thì A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp của bên thế chấp để thu hồi nợ.

[7]. Về án phí: do yêu cầu của A được chấp nhận, nên ông Dương Văn V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 299, 320, 322 và 323 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 3, 6, điểm b, khoản 1, Điều 24, khoản 2 Điều 26 củaNghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc ông Dương Văn V phải trả cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/8/2021 là 162.418.563đ *(Một trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm mười tám nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng)* phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 3506-LAV-201704548 ngày 14/12/2017,trong đó nợ gốc là 125.500.000đ *(Một trăm hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng)*, lãi trong hạn của thời gian quá hạn là 21.386.714đ *(Hai mươi mốt triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm mười bốn đồng)* và lãi chậm trả là 15.531.849đ *(Mười lăm triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 25/8/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa các bên.

Trường hợp ông V không trả được nợ, Ngân hàng A thông qua A chi nhánh huyện H có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của ông Dương Văn V là quyền sử dụng 649m^2 đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 45, địa chỉ tại xã H, huyện H, tỉnh T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 03/55/2017/HĐBĐ ngày 13/12/2017, để thu hồi nợ.

2.Về án phí: Ông Dương Văn V phải chịu 8.120.000đ *(Tám triệu một trăm hai mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.660.000đ *(Bốn triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng)* theo biên lai thu số AA/2019/0009339 ngày 13/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

3.Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến

quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thanh Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đoàn Thân **Lê Văn Ký** **Đào Văn Nam**